

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành
Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai
tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định
Dự án thành phần: Sửa chữa, nâng cấp các đập dâng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 491/TTr-STC ngày 17/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành với nội dung như sau:

- Tên dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định.

Dự án thành phần: Sửa chữa, nâng cấp các đập dâng.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT Bình Định.

- Địa điểm xây dựng: Thị xã Hoài Nhơn, An Nhơn, huyện Phù Cát, Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

- Cơ quan phê duyệt dự án Đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

- Thời gian khởi công - hoàn thành: từ ngày 15/4/2019 đến ngày 13/8/2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
	Tổng số	155.535.308.000	153.631.872.000
1	Xây lắp	137.159.104.000	139.199.266.000
	+ Chi xây lắp		136.410.075.000
	+ Chi bảo hiểm		1.355.054.000
	+ Chi XD nhà tạm, chi phí HM chung		1.434.137.000
2	Bồi thường, GPMB	3.998.392.000	3.565.698.000
3	Chi phí quản lý dự án	1.785.562.000	1.773.193.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư XD	7.428.334.000	7.421.623.000
	Giai đoạn chuẩn bị đầu tư		
4.1	Chi khảo sát địa hình, địa chất, lập Dự án đầu tư	1.703.112.000	1.703.111.000
4.2	Chi giám sát khảo sát giai đoạn lập DA	38.954.344	38.954.000
4.3	Chi lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường	206.061.000	206.061.000
	Giai đoạn lập TKBVTC		
4.4	Chi khảo sát địa hình bổ sung, lập TKBVTC, DT	2.891.212.000	2.891.212.000
4.5	Chi giám sát khảo sát giai đoạn lập TKBVTC	4.579.656	4.579.000
4.6	Chi thẩm tra TKBVTC, DT đường dây 0,4KV	4.000.000	4.000.000
4.7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.882.491.000	1.882.491.000
4.8	Chi lập HSMT, HSYC gói thầu XL		
	+ Gói thầu giám sát thi công xây dựng	6.234.000	6.234.000
	+ Gói thầu thi công xây dựng	184.632.000	184.632.000
4.9	Chi phí giám sát chính sách an toàn môi trường xã hội	219.235.000	218.297.000
4.10	Chi giám sát đánh giá Dự án đầu tư	287.823.000	282.052.000
5	Chi khác	5.163.916.000	1.672.092.000
5.1	Chi thẩm định Dự án Đầu tư	18.871.000	18.871.000
5.2	Chi thẩm định thiết kế BVTC, DT	133.567.000	121.824.000
5.3	Chi thẩm định HSMT, HSYC gói thầu XL		

	+ Gói thầu Giám sát thi công xây dựng	6.000.000	6.000.000
	+ Gói thầu thi công xây dựng	121.017.000	121.017.000
5.4	Chi thẩm định giá thiết bị	6.253.000	6.253.000
5.5	Chi phí kiểm toán		
	+ Chi phí kiểm toán Báo cáo tài chính	386.190.000	376.386.000
	+ Chi phí kiểm toán độc lập	549.623.000	520.087.000
5.6	Chi thẩm tra, phê duyệt quyết toán	165.257.000	163.541.000
5.7	Chi bảo hiểm xây dựng công trình	1.355.054.000	0
5.8	Chi phí HM chung	1.434.293.000	0
5.9	Chi phí thi công rà phá bom mìn và vật liệu nổ	330.101.000	330.101.000
5.10	Chi khảo sát, lập phương án thi công và dự toán rà phá bom mìn	8.012.000	8.012.000
5.11	Chi lập Hồ sơ kỹ thuật thửa đất	649.678.000	0
6	Dự phòng chi	0	0

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng Dự toán của DA được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán đề nghị được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
	Tổng số	155.535.308	153.631.872	153.852.469	163.541	(384.138)
1	Vốn đầu tư công	155.535.308	153.631.872	153.852.469	163.541	(384.138)
1.1	Vốn Ngân hàng Thế giới WB			142.277.046		-
1.2	Vốn Ngân sách tỉnh			5.859.817		
	+ Nguồn Đầu tư tập trung			3.024.142		
	+ Nguồn đối ứng ODA			756.545		
	+ Nguồn cấp quyền sử dụng đất			800.185		

	+ Nguồn thu tiền sử dụng đất			1.278.945		
1.3	Nguồn Ngân sách huyện Tây Sơn			234.851		
1.4	Nguồn Ngân sách huyện Phù Cát			31.707		
1.5	Nguồn Ngân sách thị xã Hoài Nhơn			751.516		
1.6	Nguồn Ngân sách thị xã An Nhơn			509.968		
1.7	Nguồn Ngân sách huyện Tuy Phước			4.187.564		

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			153.631.872	153.631.872
- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			153.631.872	153.631.872

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nguồn	Số tiền	Ghi chú
	1	2	3
	Tổng số	153.631.872.000	
1	Trong đó: + Đã bố trí:	153.852.469.000	
	Vốn Ngân hàng Thế giới WB	142.277.046.000	
	Vốn Ngân sách tỉnh	5.859.817.000	

	Vốn Ngân sách huyện	5.715.606.000	
2	+ Vốn đã thu hồi	384.138.000	
3	+ Chưa bố trí:	163.541.000	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (20/5/2022) là:

Tổng số phải thanh toán tiếp: 163.541.000 đồng

Trong đó:

Chi thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 163.541.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên tài sản	Giá trị	Đơn vị tiếp nhận tài sản
	1	2	3
	Tổng cộng	153.631.872.000	
1	Sửa chữa, gia cố xói lở hạ lưu và hai vai đập Cây Gai	12.917.235.000	
1.1	Đập Cây Gai	10.915.612.000	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (huyện Phù Cát)
1.2	Đê hạ lưu đập bổ sung theo Quyết định 3369/QĐ-UBND ngày 03/10/2018	2.001.623.000	UBND huyện Phù Cát
2	Xây dựng mới đập dâng Nha Phu, gia cố xói lở 2 bờ thượng hạ lưu và tràn bên	67.506.456.000	UBND huyện Tuy Phước
2.1	Gia cố kè thượng hạ lưu đập Nha Phu và đường quản lý vận hành	13.127.239.000	UBND xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước
2.2	Đập dâng Nha Phu, hệ thống điện, nhà quản lý vận hành đập và tràn Nha Phu - Hạ Bạc	54.379.217.000	Công ty TNHH Khai thác công trình Thủy lợi Bình Định (huyện Tuy Phước)
3	Sửa chữa, gia cố xói lở hạ lưu và hai vai đập Lại Giang	35.349.606.000	
3.1	Đập dâng Lại Giang	27.601.240.000	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (thị xã Hoài Nhơn)
3.2	Bổ sung 1,0km mặt đường BTXM nối từ đập Lại Giang đến giáp tuyến đường ĐT.629	2.007.756.000	UBND huyện Hoài Ân

3.3	Gia cố mái hạ lưu bờ tả đập	5.740.610.000	UBND thị xã Hoài Nhơn
4	Sửa chữa, nâng cấp đập Bình Thạnh	12.120.959.000	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (thị xã An Nhơn)
5	Sửa chữa, gia cố xói lở hạ lưu, hai vai đập và tăng khả năng thoát lũ đập dâng Thạnh Hòa I	25.737.616.000	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (thị xã An Nhơn)

Điều 4. Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn, Chủ tịch UBND các huyện: Tuy Phước, Phù Cát, Hoài Ân; Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K17

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng